

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Lý và ông Trần Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Lương Chi Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn X, xã YT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Vương Xuân H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ *, phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày:

Chị và anh Vương Xuân H đăng ký kết hôn ngày 02-10-2015, tại UBND phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn đã được vợ chồng anh, chị tự hòa giải và gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Xuân H.

Về nuôi con: Chị và anh Vương Xuân H có 01 con chung là cháu Vương Nhạn Nh, sinh ngày 14-3-2016. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh

đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 và ngày 30 tháng 3 năm 2023, anh Vương Xuân H trình bày:

Anh và chị Tr đăng ký kết hôn 02-10-2015, tại UBND phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải và tự tìm cách khắc phục nhưng không cải thiện được. Đến năm 2020, anh, chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr.

Về nuôi con: Anh H xác định có 01 con chung như chị Tr trình bày. Hiện cháu Nh đang ở cùng với mẹ. Anh đề nghị giao cháu Vương Nhận Nh, sinh ngày 14-3-2016 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn; bị đơn anh Vương Xuân H có hộ khẩu thường trú tại Tổ *, phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tr kết hôn với anh Vương Xuân H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02-10-2015, tại UBND phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi. Đến năm 2020, anh, chị đã sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau nữa. Chị Tr và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị Tr và anh H xác nhận có 01 con chung là cháu là cháu Vương Nhạn Nh, sinh ngày 14-3-2016. Chị Tr và anh H đều có đề nghị: Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nhi cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo cho việc học tập và sinh hoạt của cháu. Xét thấy đề nghị của chị Tr và anh H là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tr được ly hôn anh Vương Xuân H.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vương Nhạn Nh, sinh ngày 14-3-2016 cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Vương Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2022/0000136 ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tr, anh Vương Xuân H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND phường YT, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Văn